

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

---oOo---

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/TTP/2018

I./ Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

- Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM**
- Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028-38277100 Fax:
- Email:
- Mã số doanh nghiệp: 0302803331
- Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng.

II./ Thông tin sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Giấy phức hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm (TFA)

2. Thành phần:

Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): lớp nhựa PE

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong thùng carton đảm bảo an toàn thực phẩm theo qui định của Bộ Y Tế
- Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên nhà sản xuất: **Tetra Pak India Pvt. Ltd.**
- Địa chỉ nhà sản xuất: Plot No: B-53, MIDC, Chakan - Phase II, Village Vasuli, Taluka Khed, Pune 410501, India.



III./ Mẫu nhãn sản phẩm:

- Nhãn gốc và hình sản phẩm:



Tetra Pak Tetra Pak Material Description / Tên hàng hóa (SP) TFA250 VNM SOY PURE		Pallet Number / Pa-lét số 1	
Tetra Pak Material Number / Mã số hàng hóa DVN-D105-03 Customer Name / Tên khách Vinamilk - Trương Thọ Fac		Production Order Number / Mã số nhà máy sản xuất P563-0757283	
Pallet Contents / Pa-lét 5-0002 / 38000 4-0003 / 38000 5-0003 / 38000 4-0004 / 38000 5-0004 / 38000 4-0005 / 38000	GTIN of Content 97329004435196		Count / Số kiện 06
	SSCC 373298807572830015		Unit / Đơn vị 228000
	Batch / Lô sản xuất 0757283001		Pack Date DD.MM.YY / Ngày đóng gói 14.07.18
	Customer Part Number R5FV20		Best Before DD.MM.YY / Hạn sử dụng 13.07.19
	Made in / Sản xuất tại India Nhà nhập khẩu: CTCP Tetra Pak Việt Nam Hướng dẫn sử dụng và Thông số kỹ thuật xin tham khảo tài liệu đính kèm		
 (02)97329004435196(13)180714(37)06(241)R5FV20			
 (00)373298807572830015(30)228000(10)0757283001			

10330
CÔNG
CỐ P
TETRA
VIỆT
V.I-TP.H

- Nội dung nhãn phụ sản phẩm:

Giấy phức hợp dùng làm bao bì đựng thực phẩm (TFA)

Vật liệu cấu tạo: Sản phẩm được cấu tạo từ 6 lớp

- Lớp ngoài cùng: nhựa PE
- Lớp thứ 2: lớp giấy tạo độ cứng và mực in
- Lớp thứ 3: nhựa
- Lớp thứ 4: màng nhôm
- Lớp thứ 5 và thứ 6 (lớp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm): lớp nhựa PE

Kích thước sản phẩm: Sản phẩm được tạo thành cuộn, xếp trên pallet. Số cuộn xếp trên một pallet được ghi trên nhãn của mỗi pallet tại nhà máy sản xuất giấy.

Hướng dẫn sử dụng: Sản phẩm phải được đưa về phòng sử dụng ít nhất 24 tiếng trước khi bóc mở lớp PE ngoài. Bóc mở lớp PE ngoài cùng, sử dụng trực tiếp. Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.

Hướng dẫn bảo quản:

- + Bao bì được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và tránh ánh sáng chiếu trực tiếp
- + Bao bì không lưu trữ chung với các loại nguyên vật liệu khác
- + Các cuộn bao bì phải được đặt trên pallet và các pallet phải đặt cách tường ít nhất 100mm.
- + Pallet có thể chất tối đa 3 lớp.
- + Các bao bì dùng dở phải được bao bọc kỹ và dán nhãn rõ ràng
- + Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ 10 độC -40 độC.

Ngày sản xuất: xem “Pro.date” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

Hạn sử dụng: xem “Best before” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

Xuất xứ : India

Nhà sản xuất : Tetra Pak India Pvt. Ltd.

- Địa chỉ nhà sản xuất: Plot No: B-53, MIDC, Chakan - Phase II, Village Vasuli, Taluka Khed, Pune 410501, India.

Công bố sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM, địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 028-38277100

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-1 : 2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.



Giới hạn công bố các chỉ tiêu an toàn thực phẩm:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadimi	µg/g	≤ 100
2	Hàm lượng Chì	µg/g	≤ 100
3	Lượng KMnO ₄ sử dụng với dung dịch ngâm thôi là nước ở nhiệt độ 60°C trong 30 phút	µg/ml	≤ 10
4	Hàm lượng kim loại nặng, với dung dịch ngâm thôi là Acid Acetic 4% ở nhiệt độ 60°C trong 30 phút	µg/ml	≤ 1
5	Hàm lượng cặn khô với dung dịch ngâm thôi là nước ở nhiệt độ 60°C trong 30 phút	µg/ml	≤ 30
6	Khả năng thôi màu từ các mẫu trong các chất chiết từ nước cất, n-heptan, acid acetic	Không thôi màu	Không thôi màu
7	Hàm lượng cặn khô với dung dịch ngâm thôi là n-heptan ở nhiệt độ 25°C trong 60 phút	µg/ml	≤ 30
8	Hàm lượng cặn khô với dung dịch ngâm thôi là Acid Acetic 4% ở 60°C trong 30 phút	µg/ml	≤ 30

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2018

Đại diện công ty



Nguyễn Thị Ngọc Trinh

Số: 1397-1a/N3.18/ĐG

Ngày: 25/06/2018

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. **Người yêu cầu** : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt nam.
2. **Tên mẫu theo khai báo**: Giấy phức hợp dùng làm bao bì thực phẩm (TFA).
3. **Số lượng mẫu** : 01
4. **Ngày nhận mẫu**: 13/06/2018
5. **Căn cứ giám định** :

- 5.1) QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
5.2) 21CFR 178.3297 - Quy định của FDA (US) - Các chất màu dùng cho polymer.

6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
6.1	Ngoại quan		-
6.2	Định danh nhựa (mặt tiếp xúc với thực phẩm)	Polyethylene	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5.1
6.3	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g		
	• Chì (Pb)	< 5	100
	• Cadimi (Cd)	< 5	
6.4	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL		
	• Trong nước cất, 60°C, 30 phút	< 5	30
	• Trong axit axetic 4 %, 60°C, 30 phút	< 5	
	• Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	15	
6.5	Khả năng thôi màu từ mẫu trong các chất chiết nêu tại mục 6.4	Không thôi màu	Không thôi màu
6.6	Hàm lượng kim loại nặng (qui ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	1
6.7	Hàm lượng KMnO4 tiêu thụ trong nước cất chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	10

7. **Kết luận**: Mẫu nêu trên có kết quả các thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với giấy phức hợp (bề mặt tiếp xúc với thực phẩm là màng nhựa tổng hợp) tiếp xúc với các loại thực phẩm, thức uống không chứa cồn.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên

GIÁM ĐỊNH VIÊN

PHÓ GIÁM ĐỐC, PHỤ TRÁCH

Phạm Thị Vân Giang

Trương Thanh Sơn

Hà Đức Cường